

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH**  
**MIỀN TRUNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ 4 NĂM 2012**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2-5</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	9 – 27

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ được đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là MLC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 11 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 của Công ty là 80.693.070.000 đồng được chia thành 8.069.307 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông sáng lập</b>			
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (*)	38.563.320.000	3.856.332	47,79 %
2	Hồ Huy	1.332.000.000	133.200	1,65 %
3	Nguyễn Xuân Toàn	235.750.000	23.575	0,29%
4	Võ Thành Nhân	21.450.000	2.145	0,03%
5	Trần Phước Bảy	234.600.000	23.460	0,29%
6	Trần Thị Bích Phương	750.000	75	0,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác</b>			
1	Các Cổ đông khác	40.305.200.000	4.030.520	49,95 %
	<b>Cộng</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>8.069.307</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

---

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 Đường 2/9 – P Bình Thuận – Q Hải Châu – TP Đà Nẵng

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 và lưu chuyển tiền tệ Quý 4 năm 2012 từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông :	Hồ Huy	Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Võ Thành Nhân	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Hồ Việt	Ủy viên	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Trương Tài	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông :	Trần Quốc Duy	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2012)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc	
Ông :	Trần Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30/6/2009)
Ông :	Phạm Thế Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/3/2011)
Ông :	Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông :	Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà :	Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Mai Quý Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2011)
Ông :	Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2011)
			(Bổ nhiệm lại ngày 21/4/2012)

Kế toán trưởng Công ty gồm:

Ông :	Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng
-------	---------------------	----------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2012 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 được thay thế Thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*TP. Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2013*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VÕ THÀNH NHÂN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>100</b>	<b>A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>65,630,355,838</b>	<b>45,942,756,014</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>2,815,615,985</b>	<b>1,759,719,309</b>
111	1. Tiền		2,815,615,985	1,759,719,309
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.2</b>	<b>33,469,612,557</b>	<b>17,650,734,918</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		33,469,612,557	17,650,734,918
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>23,128,989,785</b>	<b>19,988,878,139</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		2,980,170,813	4,095,008,732
132	2. Trả trước cho người bán		166,827,990	267,812,820
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	20,164,444,962	15,626,056,587
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(182,453,980)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.4</b>	<b>654,825,785</b>	<b>862,243,656</b>
141	1. Hàng tồn kho		654,825,785	862,243,656
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5,561,311,726</b>	<b>5,681,179,992</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	1,547,148,943	1,707,765,263
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	129,074,244
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	311,175,690
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.6	4,014,162,783	3,533,164,795
<b>200</b>	<b>B . Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>		<b>174,042,549,791</b>	<b>167,064,319,918</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>117,921,474,113</b>	<b>107,340,245,510</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	86,555,949,257	89,021,699,510
222	- Nguyên giá		134,519,207,276	128,782,752,305
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47,963,258,019)	(39,761,052,795)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	18,318,546,000	18,318,546,000
228	- Nguyên giá		18,318,546,000	18,318,546,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.	13,046,978,856	-
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>55,602,540,326</b>	<b>58,496,577,546</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.9	56,320,000,000	59,543,172,729
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.10	(717,459,674)	(1,046,595,183)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>518,535,352</b>	<b>1,227,496,862</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	184,797,524	893,759,034
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		333,737,828	333,737,828
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>239,672,905,629</b>	<b>213,007,075,932</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>300</b>	<b>A . Nợ phải trả (300 =310+330)</b>		<b>150,381,550,405</b>	<b>126,622,112,456</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>64,944,704,941</b>	<b>72,378,922,231</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	39,044,618,700	53,056,867,640
312	2. Phải trả cho người bán		4,010,549,285	2,231,501,536
313	3. Người mua trả tiền trước		93,209,204	14,790,100
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1,153,449,413	223,427,129
315	5. Phải trả người lao động		2,499,513,084	3,047,553,328
316	6. Chi phí phải trả	V.14	1,787,350,181	1,766,633,757
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.15	16,006,015,074	11,956,718,741
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		350,000,000	81,430,000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>85,436,845,464</b>	<b>54,243,190,225</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.16	35,023,549,554	25,823,963,554
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.17	50,413,295,910	28,419,226,671
<b>400</b>	<b>B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>		<b>89,291,355,225</b>	<b>86,384,963,476</b>
				-
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>89,291,355,225</b>	<b>86,384,963,476</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80,693,070,000	70,171,300,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		289,330,000	10,811,100,000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		166,650,000	166,650,000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8,142,305,225	5,235,913,476
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>		<b>239,672,905,629</b>	<b>213,007,075,932</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	ĐVT	Số cuối kỳ	01/01/2012 VND
1. Tài sản thuê ngoài	VND	21,479,714,510	21,479,714,510
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	-	-

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2013  
Tổng Giám đốc/Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	34,786,508,313	32,465,027,085	138,248,948,750	123,147,512,478
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.20	25,327,944	9,245,420	90,513,482	49,948,068
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	34,761,180,369	32,455,781,665	138,158,435,268	123,097,564,410
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	22,505,577,243	25,110,451,728	101,469,459,034	94,471,541,823
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12,255,603,126	7,345,329,937	36,688,976,234	28,626,022,587
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.23	3,930,320,186	2,502,830,119	8,713,087,060	16,451,922,062
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	3,986,243,562	4,051,577,501	14,776,902,562	16,357,730,021
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4,012,822,455	4,051,577,501	14,776,902,562	15,589,354,248
24	8. Chi phí bán hàng		4,023,461,463	3,490,133,734	10,354,347,603	10,157,192,233
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3,214,064,817	1,928,806,621	12,923,993,081	11,485,600,427
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4,962,153,470	377,642,200	7,346,820,048	7,077,421,968
31	11. Thu nhập khác	VI.25	1,599,062,111	786,337,955	3,696,773,395	3,942,700,648
32	12. Chi phí khác	VI.26	1,044,882,335	715,626,662	2,561,199,778	3,448,535,957
40	13. Lợi nhuận khác		554,179,776	70,711,293	1,135,573,617	494,164,691
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,516,333,246	448,353,493	8,482,393,665	7,571,586,659
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.27	449,833,312	-	1,191,348,417	153,692,905
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	(333,737,828)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5,066,499,935	448,353,493	7,291,045,249	7,751,631,582

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc/Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>8,482,393,665</b>	<b>7,571,586,659</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>12,983,765,580</b>	<b>14,260,946,210</b>
02	- Khấu hao TSCĐ		8,202,205,224	12,151,001,035
03	- Các khoản dự phòng		(146,681,529)	436,621,681
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9,848,660,677)	(13,916,030,754)
06	- Chi phí lãi vay		14,776,902,562	15,589,354,248
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>21,466,159,245</b>	<b>21,832,532,869</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3,363,313,680)	(18,807,809,852)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		207,417,871	(91,990,423)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26,825,106,524	26,982,576,189
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		869,577,830	(707,351,135)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(14,776,902,562)	(15,315,313,846)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,191,348,417)	(510,688,000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1,242,020,000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4,608,021,167)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>30,036,696,811</b>	<b>10,015,954,635</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(18,783,433,827)	(11,403,316,920)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		3,696,773,395	3,637,272,727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9,369,582,835)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(15,818,877,639)	3,221,955,715
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(30,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3,223,172,729	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8,713,087,060	11,469,797,300
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(18,969,278,282)</b>	<b>(2,473,874,013)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		100,633,009,811	105,144,240,967
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(107,010,647,664)	(116,727,183,448)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,633,884,000)	(2,924,288,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(10,011,521,853)</b>	<b>(14,507,230,481)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1,055,896,676</b>	<b>(6,965,149,859)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>1,759,719,309</b>	<b>8,724,869,168</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>2,815,615,985</b>	<b>1,759,719,309</b>

TP Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc/Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ, tên giao dịch quốc tế Mailinh Corporation in Northern Central, viết tắt là MLC – INC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 11 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 của Công ty là 80.693.070.000 đồng được chia thành 8.069.307 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông sáng lập</b>			
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (*)	38.563.320.000	3.856.332	47,79 %
2	Hồ Huy	1.332.000.000	133.200	1,65 %
3	Nguyễn Xuân Toàn	235.750.000	23.575	0,29%
4	Võ Thành Nhân	21.450.000	2.145	0,03%
5	Trần Phước Bảy	234.600.000	23.460	0,29%
6	Trần Thị Bích Phương	750.000	75	0,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác</b>			
1	Các Cổ đông khác	40.305.200.000	4.030.520	49,95 %
	<b>Cộng</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>8.069.307</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng)	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9 – P Bình Thuận – Q Hải Châu – TP Đà Nẵng

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ vận tải.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách bằng taxi;

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ.

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Ngày 30 tháng 01 năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ nay là Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung và Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh đã thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo cho Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh với tổng giá trị chuyển nhượng là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ, tám trăm triệu đồng) chiếm 100% vốn điều lệ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đã điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp về việc đổi tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ của Công ty từ 70.171.300.000 đồng lên 80.693.070.000 đồng. Việc tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư là 10.521.770.000 đồng tương ứng 1.052.177 cổ phiếu, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phần này tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho Quý 4 kết thúc ngày 31/12/2012.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời, v.v... trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng căn cứ vào bằng chứng giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20	Năm
- Phương tiện vận tải	7 – 10	Năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	2 – 8	Năm

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế của Chi nhánh được kết chuyển toàn bộ về Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

**11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm*

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **14. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

##### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **16. Phân phối lợi nhuận**

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và chỉ trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty.

Trích Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi: mức trích lập do Hội đồng Quản trị đề nghị mức trích cụ thể cho từng quỹ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Lợi nhuận còn lại sau phân phối cổ tức và trích lập các quỹ được bổ sung toàn bộ vào lợi nhuận tích lũy.



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	622,487,293	460,523,450
Tiền gửi ngân hàng	2,193,128,692	1,299,195,859
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,815,615,985</b>	<b>1,759,719,309</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Cho vay ngắn hạn (a)	33,469,612,557	17,650,734,918
<b>Cộng</b>	<b>33,469,612,557</b>	<b>17,650,734,918</b>

(a) Là khoản Công ty cho Công ty TNHH MTV Sài Gòn Taxi, các công ty con vay và đầu tư cổ phần

Đối tượng	Hợp đồng	Ngày bắt đầu	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền
Công ty TNHH MTV ML Tam Kỳ	005/2012/HĐVT		12 tháng	1,5%/tháng	1,004,060,431
Công ty TNHH MTV ML Huế	002/2011/HĐVT		12 tháng	1,5%/tháng	3,042,590,632
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Taxi	010212/HĐVT		12 tháng	1,5%/tháng	572,961,494
Công ty Cổ phần Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)					28,850,000,000
<b>Cộng</b>					<b>33,469,612,557</b>

(\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: /2012/HĐCNCP ngày 28/05/2012, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với giá trị chuyển nhượng là 28.850.000.000 đồng tương ứng số lượng là 2.885.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

### 3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Phải thu các công ty trong Tập đoàn Mai Linh	19,556,804,284	15,298,170,466
Các khoản phải thu khác	607,640,678	327,886,121
<b>Cộng</b>	<b>20,164,444,962</b>	<b>15,626,056,587</b>

### 4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	654,825,785	862,243,656
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>654,825,785</b>	<b>862,243,656</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**5 . Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	1,167,639,291	1,308,135,601
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25,894,256	9,340,698
Chi phí thuê văn phòng bến bãi	-	31,275,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	353,615,396	359,013,964
<b>Cộng</b>	<b>1,547,148,943</b>	<b>1,707,765,263</b>

**6 . Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	897,162,783	416,164,795
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	3,117,000,000	3,117,000,000
<b>Cộng</b>	<b>4,014,162,783</b>	<b>3,533,164,795</b>

(\*) Chi tiết các khoản cầm cố ký quỹ ngắn hạn .....

**7 . Tài sản cố định hữu hình**

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	3,017,976,540	108,398,150,930	695,564,320	16,671,060,515	128,782,752,305
Tăng trong năm	465,715,344	16,693,425,609	21,752,726	-	17,180,893,679
- Mua sắm	465,715,344	16,693,425,609	21,752,726	-	17,180,893,679
- Chuyển từ mua sắm TSCĐ dở dang		-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	11,444,438,708	-	-	11,444,438,708
- Thanh lý, nhượng bán	-	11,444,438,708	-	-	11,444,438,708
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3,483,691,884</b>	<b>113,647,137,831</b>	<b>717,317,046</b>	<b>16,671,060,515</b>	<b>134,519,207,276</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	845,323,884	38,400,167,680	473,127,420	42,433,811	39,761,052,795
Tăng trong năm	239,123,290	10,337,020,731	64,602,147	-	10,640,746,168
- Trích khấu hao TSCĐ	239,123,290	10,337,020,731	64,602,147	-	10,640,746,168
Giảm trong kỳ	-	2,438,540,944	-	-	2,438,540,944
- Thanh lý, nhượng bán	-	2,438,540,944	-	-	2,438,540,944
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1,084,447,174</b>	<b>46,298,647,467</b>	<b>537,729,567</b>	<b>42,433,811</b>	<b>47,963,258,019</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	2,172,652,656	69,997,983,250	222,436,900	16,628,626,704	89,021,699,510
Số dư cuối năm	2,399,244,710	67,348,490,364	179,587,479	16,628,626,704	86,555,949,257

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**8 . Tài sản cố định vô hình**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	18,318,546,000	-	-	-	18,318,546,000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	18,318,546,000	-	-	-	18,318,546,000
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm					-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	18,318,546,000	-	-	-	18,318,546,000
Số dư cuối năm	18,318,546,000	-	-	-	18,318,546,000

Tài sản cố định vô hình đến 31/12/2012 là giá trị quyền sử dụng đất của 02 lô đất sau:

(1) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m2 với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

(2) Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền: 936.000.000 đồng, thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng.

**9 . Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	12,600,000,000	12,600,000,000
Công ty TNHH MTV Cà phê Arabica Mai Linh	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Mai Linh Lao Bảo	-	3,223,172,729
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	2,700,000,000	2,700,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	13,500,000,000	13,500,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11,000,000,000	11,000,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	2,700,000,000	2,700,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	13,620,000,000	13,620,000,000
<b>Cộng</b>	<b>56,320,000,000</b>	<b>59,543,172,729</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 31/12/2012**

Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích	Q.biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	75.00%	75.00%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Cà phê Arabica Mai Linh	100.00%	100.00%	Kinh doanh cà phê
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	100.00%	100.00%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	100.00%	100.00%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	100.00%	100.00%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	100.00%	100.00%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	100.00%	100.00%	Dịch vụ vận tải

**10 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Giá trị dự phòng khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Mai Linh Quảng Trị	(35,361,333)	(341,635,095)
Giá trị dự phòng khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH MTV ML Lao Bảo	-	(266,468,648)
Giá trị dự phòng khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH ML Quảng Bình	(565,867,217)	-
Giá trị dự phòng khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Mai Linh Tam Kỳ	(116,231,124)	(438,491,440)
<b>Cộng</b>	<b>(717,459,674)</b>	<b>(1,046,595,183)</b>

Căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị lỗ: (35.361.333) đồng, Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Bình năm 2012 lỗ: (754.489.622) đồng, Cty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ lỗ (116.231.124) đồng và tỷ lệ đầu tư để trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2012	Vốn CSH theo BCTC	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng tổn thất
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	100.00%	2,664,638,667	2,700,000,000	(35,361,333)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Bình	75.00%	16,045,510,378	12,600,000,000	(565,867,217)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	100.00%	2,583,768,876	2,700,000,000	(116,231,124)
<b>Cộng</b>				<b>(717,459,674)</b>

**11 . Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	19,445,267	-
Chi phí sửa chữa tài sản	138,688,704	836,827,653
Chi phí trả trước dài hạn khác	26,663,553	56,931,381
<b>Cộng</b>	<b>184,797,524</b>	<b>893,759,034</b>

**12 . Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Vay ngân hàng (1)	27,447,001,000	24,009,728,901
Vay ngắn hạn cá nhân (2)	7,732,389,862	6,517,452,487
Vay ngắn hạn khác	2,591,916,838	2,591,916,838
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (xem chi tiết vay dài hạn)	1,137,600,000	11,543,026,416
Vay cá nhân đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	111,000,000	5,830,030,998
Vay dài hạn đến hạn trả các đối tượng khác	24,711,000	2,564,712,000
<b>Cộng</b>	<b>39,044,618,700</b>	<b>53,056,867,640</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

(1) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng với lãi suất từ 14%/năm đến 16,5 %/năm để dùng làm vốn lưu động. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.

(2) Vay ngắn hạn cá nhân là khoản vay tín chấp có thời hạn từ 2 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1,3% đến 1,79 %/tháng.

**13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	356,050,029	105,206,546
Thuế TNDN	691,148,342	-
Thuế thu nhập cá nhân	106,251,042	102,677,608
Các loại thuế khác	-	15,542,975
<b>Cộng</b>	<b>1,153,449,413</b>	<b>223,427,129</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Chi phí phải trả lãi vay	359,941,023	375,251,292
Chi phí phải trả khác	1,423,409,158	1,391,382,465
<b>Cộng</b>	<b>1,787,350,181</b>	<b>1,766,633,757</b>

**15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	235,128,073	91,776,563
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2,404,865,052	1,471,532,038
Cổ tức phải trả cho cổ đông	5,113,688,000	1,479,804,000
Quỹ HTTN, KDTT, Rửa xe	820,515,137	383,616,784
Phải trả các công ty trong nội bộ Tập đoàn Mai Linh	5,684,466,454	6,964,926,230
Phải trả các đối tượng cùng hợp tác kinh doanh taxi	1,033,890,299	751,559,966
Các khoản phải trả phải nộp khác	713,462,059	813,503,160
<b>Cộng</b>	<b>16,006,015,074</b>	<b>11,956,718,741</b>

**16 . Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh	27,697,500,000	19,750,914,000
Ký quỹ taxi	6,878,049,554	5,719,049,554
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn (b)	448,000,000	354,000,000
<b>Cộng</b>	<b>35,023,549,554</b>	<b>25,823,963,554</b>

(a) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh taxi

(b) Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhân viên lái xe và mở thẻ MCC của khách hàng

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

<b>17 . Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng (1)	35,564,698,620	18,976,698,620
Vay dài hạn cá nhân, cán bộ công nhân viên (2)	3,888,749,594	1,151,507,036
Vay đối tượng khác (3)	3,785,721,015	3,785,721,015
Nợ dài hạn mua xe trả góp	2,705,706,681	-
Nợ dài hạn khác	4,468,420,000	4,505,300,000
<b>Cộng</b>	<b>50,413,295,910</b>	<b>28,419,226,671</b>

(1) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 84 tháng với lãi suất từ 14,5%/năm đến 16,4%/năm, số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 36.702.298.620 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.137.600.000 đồng. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.

(2) Vay dài hạn cá nhân, cán bộ công nhân viên là các khoản vay mà cán bộ công nhân viên vay tiêu dùng qua ngân hàng, sau đó công ty vay lại với thời hạn từ 13 tháng đến 36 tháng, lãi suất từ 16,4 %/năm đến 21,7%/năm, số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 3.999.749.594 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 111.000.000 đồng.

(3) Vay các đối tượng khác là khoản vay của Công ty con

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3,785,721,015	3,785,721,015
	<b>3,785,721,015</b>	<b>3,785,721,015</b>

## 18 . Nguồn vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

DVT: đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn đầu tư của CSH</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng vốn chủ sở hữu</b>
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>70,171,300,000</b>	<b>10,811,100,000</b>	<b>166,650,000</b>	<b>5,235,913,476</b>	<b>86,384,963,476</b>
<b>2. Tăng trong kỳ</b>	<b>10,521,770,000</b>	-	-	<b>7,291,045,249</b>	<b>17,812,815,249</b>
Tăng vốn trong kỳ	10,521,770,000	-	-	-	10,521,770,000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	7,291,045,249	7,291,045,249
Quỹ tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	<b>10,521,770,000</b>	-	<b>4,384,653,500</b>	<b>14,906,423,500</b>
Phân phối LN trong kỳ (*)	-	-	-	4,384,653,500	4,384,653,500
Giảm khác trong kỳ (**)	-	10,521,770,000	-	-	10,521,770,000
<b>4. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>80,693,070,000</b>	<b>289,330,000</b>	<b>166,650,000</b>	<b>8,142,305,225</b>	<b>89,291,355,225</b>

(\*) Ngày 21/4/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung đã thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 trong đó phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2011 như sau: chi trả cổ tức 4.034.653.500 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5% với số tiền tương ứng 350.000.000 đồng.

(\*\*) Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư là 10.521.770.000 đồng tương ứng 1.052.177 cổ phiếu, đến thời điểm này Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp nhận cho phép niêm yết bổ sung.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	38,563,320,000	59,959,100,000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	-	-
Hồ Huy	1,332,000,000	10,212,200,000
Các Cổ đông khác	40,797,750,000	-
<b>Cộng</b>	<b>80,693,070,000</b>	<b>70,171,300,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>Quý này năm nay</b>	<b>Quý này năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	80,693,070,000	70,171,300,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	80,693,070,000	70,171,300,000
- Cổ tức	-	3,508,565,000

**d. Cổ phần**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>01/01/2012</b>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8,069,307	8,069,307
- Số lượng cổ phần đã phát hành	8,069,307	8,069,307
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	8,069,307	8,069,307
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	8,069,307	8,069,307
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	8,069,307	8,069,307
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
* Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10,000	10,000

**e. Phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ</b>	<b>5,235,913,476</b>	<b>1,990,044,163</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	7,291,045,249	7,751,631,582
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận	(350,000,000)	(490,000,000)
Trả cổ tức	(4,034,653,500)	(3,508,565,000)
Giảm lợi nhuận do truy thu thuế theo quyết toán thuế	-	(507,197,269)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>8,142,305,225</b>	<b>5,235,913,476</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 19 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	30,140,085,913	26,621,061,844
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	1,599,848,484	1,745,454,547
Doanh thu sửa chữa xe	-	325,185,575
Doanh thu quản lý xe thương quyền	-	641,713,852
Doanh thu cho thuê thương hiệu	1,296,363,637	2,703,559,783
Doanh thu dịch vụ khác	1,750,210,279	428,051,484
<b>Cộng</b>	<b>34,786,508,313</b>	<b>32,465,027,085</b>

### 20 . Các khoản giảm trừ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chiết khấu thương mại	25,327,944	9,245,420
<b>Cộng</b>	<b>25,327,944</b>	<b>9,245,420</b>

### 21 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	30,114,757,969	26,611,816,424
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	1,599,848,484	1,745,454,547
Doanh thu dịch vụ xe Bus	-	-
Doanh thu nhượng bán vật tư	-	-
Doanh thu sửa chữa xe	-	325,185,575
Doanh thu quản lý xe thương quyền	-	641,713,852
Doanh thu cho thuê thương hiệu	1,296,363,637	2,703,559,783
Doanh thu dịch vụ khác	1,750,210,279	428,051,484
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34,761,180,369</b>	<b>32,455,781,665</b>

### 22 . Giá vốn hàng bán

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	19,678,400,031	23,750,224,455
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê xe	1,599,848,484	1,360,227,273
Giá vốn dịch vụ khác	1,227,328,728	-
<b>Cộng</b>	<b>22,505,577,243</b>	<b>25,110,451,728</b>

### 23 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	213,320,186	1,002,830,119
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia từ công ty con	3,717,000,000	1,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>3,930,320,186</b>	<b>2,502,830,119</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

**24 . Chi phí tài chính**

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí lãi vay	3,407,428,832	3,578,403,670
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	565,867,217	473,173,831
Chi phí tài chính khác	12,947,513	-
<b>Cộng</b>	<b>3,986,243,562</b>	<b>4,051,577,501</b>

**25 . Thu nhập khác**

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1,587,912,780	700,909,091
Thu nhập khác	11,149,331	85,428,864
<b>Cộng</b>	<b>1,599,062,111</b>	<b>786,337,955</b>

**26 . Chi phí khác**

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1,023,089,498	540,388,004
Chi phí khác	21,792,837	175,238,658
<b>Cộng</b>	<b>1,044,882,335</b>	<b>715,626,662</b>

**27 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>5,516,333,246</b>	<b>448,353,493</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia, LN được chuyển về từ các công ty con	(3,717,000,000)	(1,500,000,000)
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1,799,333,246</b>	<b>(1,051,646,507)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	449,833,312	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>449,833,312</b>	<b>-</b>

**28 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8,130,515,485	11,026,039,691
Chi phí nhân công	11,275,191,996	14,101,298,355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,906,107,241	4,072,097,719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,187,951,285	2,025,029,676
Chi phí khác bằng tiền	2,243,337,516	1,144,571,520
<b>Cộng</b>	<b>29,743,103,523</b>	<b>32,369,036,961</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm

## VII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (MLG)	Công ty mẹ
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cà phê Arabica Mai Linh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Công ty con

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các giao dịch nội bộ quan trọng với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

Nội dung giao dịch	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu cho thuê thương hiệu	1,296,363,637	2,703,559,783
Doanh thu cho thuê xe	1,599,848,484	1,540,606,068
Lãi tiền cho vay	207,882,565	628,871,996
Chi phí lãi vay	286,993,703	473,173,831
Chi phí thuê thương hiệu	3,561,818,182	2,703,559,783
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con	3,717,000,000	1,500,000,000

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ VND	01/01/2012 VND
Cho vay (xem thêm mục V.2)	4,619,612,557	17,650,734,918
Phải thu (xem thêm mục V.3)	19,556,804,284	15,298,170,466
Ký quỹ thuê xe (xem thêm mục V.6)	3,117,000,000	3,117,000,000
Phải trả (xem thêm mục V.16)	(5,910,240,892)	(6,964,926,230)
Vay (xem thêm mục V.13; V.18)	(6,377,637,853)	(6,377,637,853)

(\*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Nội dung nghiệp vụ	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	652,714,000	471,777,000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	47,500,000	47,500,000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã thông qua mức khoán chi phí hội họp của Hội đồng quản trị năm 2012 là 120.000.000 đồng/5 người/năm. Nếu công ty có lãi vượt kế hoạch thì ngoài mức khoán chi phí hội họp thường thêm thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty, tổng cộng mức khoán và mức thù lao không vượt quá 2% lợi nhuận sau thuế; Ban Kiểm soát 70.000.000 đồng/3 người/năm.

Đến ngày 31/12/2012: Chúng tôi chưa đủ thông tin để lập báo cáo bộ phận

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**3 . Thông tin hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**4 . Những thông tin khác**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2012 dựa trên kết quả lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản đã thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011;
- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2012;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011;
- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2011;
- Thông qua việc mua bán sáp nhập, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh về phía Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bao gồm 09 tỉnh thành: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng;
- Thông qua quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi với:
  - + Nhu cầu vốn đầu tư: 80 tỷ đồng;
  - + Phương thức phát hành:
    - Trái phiếu chuyển đổi linh hoạt - định kỳ hàng năm;
    - Mệnh giá 100 triệu đồng / 01 trái phiếu;
    - Thời gian 3 - 5 năm;
    - Lãi suất 15% năm đầu. Các năm tiếp theo lãi suất 12% năm. Lãi trả theo định kỳ 6 tháng / 1 lần;
    - Giá chuyển đổi: Giá bình quân 15 phiên giao dịch liền kề trước ngày chuyển đổi.
  - + Thời gian phát hành: dự kiến quý 3, quý 4 năm 2012;
  - + Đối tượng phát hành: Ưu tiên cho các tổ chức tài chính, cổ đông hiện hữu;
  - + Hạn mức tối thiểu phát hành trái phiếu: 10 tỷ đồng;
  - + Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án phát hành.
- Thông qua việc triển khai đa dạng hóa loại hình hợp tác kinh doanh: Đa dạng hóa hình thức huy động vốn đầu tư. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương thức và giá.
- Thông qua mức khoán chi phí Hội hợp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012;
- Hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Thông qua danh sách nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2015 và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 - 2015.

Ngày 21 tháng 09 năm 2012 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung thành lập chi nhánh Công ty CP Mai Linh Miền Trung - Chi Nhánh Du Lịch theo Quyết định số 12/2012/QĐ-MLC của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng đính kèm*

**IX. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 là số liệu của quý 4 năm 2011 chưa được soát xét và số liệu so sánh trên bảng Lưu chuyển tiền tệ là số liệu của năm 2011 đã được kiểm toán.

*TP Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2013*

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc/Giám đốc**

**Đoàn Triệu Chu Luân**

**Võ Thành Nhân**